*Ngày soạn: 12/01/2022 Ngày dạy: 19/01/2022*

**TUẦN 20 Bài 7:**

**GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG**

Tiết: 82+83, *Văn bản 1*: **NHỮNG CÁNH BUỒM**

**-Hoàng Trung Thông-**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Xác định được câu chuyện được kể trong bài thơ.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiểt, nhân vật, thể thơ, nội dung, đề tài; chủ đề; ý nghĩa; tình cảm của tác giả)

- Nhận biết được những yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản và chỉ ra tác dụng của những yếu tố ấy.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ; rút ra những nhận thức, tình cảm của bản thân sau khi đọc bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản .

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa VB.

**3*.* Phẩm chất*:***

*-* Biết yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình và quan tâm người thân trong gia đình.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- KHBD, phiếu học tập,

- Đoạn nhạc về bài hát “*Cha già rồi đúng không*” (Sáng tác: Phạm Hồng Phước;Viết lại lời: Trấn Thành).

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

-GV cho HS nghe video *Cha già rồi đúng không –* Nhạc phim *Bố già* (Sáng tác: Phạm Hồng Phước; Viết lời mới: Trấn Thành)

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=GYxggtZberM>

* HS xem video và trả lời câu hỏi:

? Em cảm nhận gì về tình cảm của người con trong bài hát? Em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm của mình dành cho người cha kính yêu?

? Hãy kể ngắn gọn một kỉ niệm em nhớ mãi giữa em và cha mình.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 3: Đánh giá, kết luận**

**=>*GV dẫn vào bài*:** Tình cảm cha con luôn là thứ tình cảm thiêng liêng của mỗi con người. Bài thơ “*Những cánh buồm*” (Hoàng Trung Thông) không chỉ cho người đọc thấy tình cảm cha con thân thiết, tràn đầy yêu thương mà con cho thấy sự tiếp nối ước mơ giữa hai thể hệ. Tiết học hôm nay, cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu bài thơ.

**Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

**I. Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

**b. Nội dung hoạt động:**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về đặc điểm của bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Làm việc cá nhân.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Dựa trên việc HS đã đọc mục **Tri thức đọc hiểu** trong SGK, cho biết:  1.Về hình thức, thơ có chia chia làm mấy loại?  2. Ở học kì I, em đã được học những bài thơ nào? Bài thơ đó thuộc thể thơ gì? Chỉ ra những dấu hiệu của văn bản thơ trong tác phẩm đó.  3. Theo em, việc thêm yếu tố tự sự và miêu tả vào bài thơ có tác dụng gì?  4. Nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ thơ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  Hs trao đổi theo cặp trong bàn, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **I. Tri thức Ngữ văn**  **1. Một số đặc điểm chung của thể loại thơ**  **- Thơ** thuộc loại tác phẩm trữ tình, thiên về diễn tả tình cảm, cảm xúc của nhà thơ.  *- Thơ có hình thức cấu tạo đặc biệt:*  + Thơ cách luật có quy tắc nhất định về số câu, số chữ, gieo vần,...  + Thơ tự do không có quy tắc nhất định về số câu, số chữ, gieo vần,... như thơ cách luật.  *- Một số yếu tố hình thức của bài thơ*:  + Dòng thơ gồm các tiếng được sắp xếp thành hàng; các dòng thơ có thể giống hoặc khác nhau về độ dài, ngắn.Bài thơ tự do có thể liền mạch hoặc chia thành các khổ thơ.  + Vần là phương tiện tạo tính nhạc cơ bản của thơ dựa trên sự lặp lại (hoàn toàn hoặc không hoàn toàn) phần vần của âm tiết. Vân có vị trí ở cuối dòng thơ gọi là vần chân, ở giữa dòng thơ gọi là vần lưng.  + Nhịp là những điểm ngắt hơi khi đọc một dòng thơ. Ngắt nhịp tạo ra sự hài hoà, đồng thời giúp hiểu đúng ý nghĩa của dòng thơ.  **2. Yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ**  - Tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả:làm cho bài thơ thêm gợi tả, hấp dẫn.  + Yếu tố miêu tả góp phần làm rõ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng.  + Yếu tố tự sự được dùng để thuật lại sự việc, câu chuyện khi cần.  - Cả hai yếu tố đều làm cho việc thể hiện tình cảm, cảm xúc trong thơ thêm sâu sắc, độc đáo.  **3. Đặc điểm của ngôn ngữ thơ**  **- Ngôn ngữ thơ**hàm súc, giàu nhạc điệu, hình ảnh, thể hiện những rung động, suy tư của người viết.  - Tìm hiểu một bài thơ cũng chính là khám phá những tình cảm, cảm xúc mà tác giả gửi gắm qua ngôn ngữ thơ. |

**II. Đọc -Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**:

-Nắm được kiến thức khái quát về tác giả Hoàng Trung Thông

-HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được **một số đặc điểm chung của thể loại thơ**

**b. Nội dung hoạt động:**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả Hoàng Trung Thông và bài thơ “*Những cánh buồm*”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả và bài thơ.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu tác giả Hoàng Trung Thông:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Qua tìm hiểu các nguồn tài liệu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Hoàng Trung Thông ?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **II. Tìm hiểu chung**  **1.Tác giả:**  - Tên thật: Hoàng Trung Thông, bút danh khác: Đặc Công, Bút Châm.  - Năm sinh – năm mất: (1925 –1993)  - Quê quán: Nghệ An  - Thơ của ông giản dị, cô động, chứa cảm xúc trong sáng; nhiều bài thơ được phổ nhạc.  - Tác phẩm chính:*Quê hương chiến đấu* (1955); *Đường chúng ta đi* (1960), 15 bài thơ; *Những cánh buồm* (1964), 17 bài thơ;*Hương mùa thơ* (1984); *Tiếng thơ không dứt* (1989); *Mời trăng* (1992);… |
| **\*** **GV hướng dẫn cách đọc**: Đọc toàn bài với giọng chậm rãi dịu dàng, trầm lắng phù hợp với việc diễn đạt tình cảm của cha với con.  + Lời của con: ngây thơ, hồn nhiên  + Lời của cha: ấm áp, dịu dàng thể hiện tình yêu con, cảm xúc tự hào về con, về tuổi thơ của mình, về sự tiếp nối cao đẹp của các thế hệ.  - GV đọc mẫu 1 đoạn.  - Gọi 3 HS lần lượt đọc - GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của HS.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  **\*Gv HD HS tìm hiểu chung về VB**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  *? Nêu xuất xứ của bài thơ.*  *?Bài thơ được viết theo thể thơ gì?*  *? Chỉ ra các phương thức biểu đạt sử dụng trong văn bản?*  *? Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **2. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:**  **-** Sáng tác: 1963  - Bài thơ được rút từ tập thơ cùng tên.  **b.Kiểu văn bản và PTBĐ**  **-Thể thơ**: tự do  **- PTBĐ**: Biểu cảm kết hợp yếu tố miêu tả, tự sự.  **c.Bố cục:** 3 phần  + P1: Từ đầu …*lòng vui phơi phới.*  🡪 Cảnh người cha và người con đi dạo trên bãi cát  + P2: Tiếp theo đến…*để con đi*  🡪 Cuộc trò chuyện của hai cha con và mong muốn của người con  + P3: Còn lại  🡪 Suy ngẫm của người cha. |

**III. Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản

**b.** **Nội dung hoạt động**: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu cảnh hai cha con đi dạo trên bờ biển**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ:  **PHIẾU HỌC TẬP 1**  1. Xác định không gian, thời gian được miêu tả.  2. Nhà thơ đã dùng những chi tiết nào để miêu tả cảnh vật, con người? Tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn là gì?  3. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi miêu tả hình ảnh của hai cha con?  4. Em có cảm nhận gì về tình cảm của hai cha con trong bài thơ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức. | **III. Đọc hiểu văn bản**  **1. Cảnh hai cha con đi dạo trên bờ biển**\* Yếu tố miêu tả:  - Không gian: ở bãi cát trên biển  → *Không gian bao la, vô tận*  -Thời gian: buổi sáng, sau trận mưa đêm  → *Tươi sáng, mát mẻ*  - Cảnh vật  + *ánh mai hồng*  *+ cát càng mịn*  *+ biển càng xanh*  → *Khung cảnh trong trẻo, vui tươi, rực rỡ*  -Con người:  + *bóng cha dài lênh khênh*  *+ bóng con tròn chắc nịch*  *+ cha dắt con đi*  *+ lòng vui phơi phới*  → *vui vẻ, thoải mái, hạnh phúc*  **Yếu tố miêu tả** giúp người đọc dễ hình dung hình ảnh, tâm trạng của hai cha con trong khung cảnh đẹp đẽ  **Nghệ thuật**: điệp ngữ, đối lập, từ láy  =>Tình cảm của hai cha con thân thiết, hạnh phúc vừa đơn sơ, giản dị, vừa thiêng liêng, cao cả. Cha dắt con đi hay chính quá khứ dìu bước cho hiện tại, lớp trước nâng bước cho lớp sau. Hình ảnh “cha dắt con đi” còn gợi ra sự dìu dắt, chở che trên hành trình cùng con đi đến tương lai.  + Con người hòa nhập, chan hòa với thiên nhiên. |
| **2. Cuộc trò chuyện giữa hai cha con**  **PHIẾU HỌC TẬP 02:**  **Tìm hiểu cuộc trò chuyện của hai cha con**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Lời nói | | BP nghệ thuật  đặc sắc | Ý nghĩa lời nói | | Câu hỏi của con | ………… | ………… | ………… | | Câu trả lời của cha | ………… | ………… | ………… | | |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu cuộc trò chuyện giữa hai cha con**  **\*Thảo luận nhóm**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu HT số 02.  Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về câu hỏi của người con.  Nhóm 2, 4: Tìm hiểu về câu trả lời của người cha.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. | **2. Cuộc trò chuyện giữa hai cha con**  **\*Yếu tố tự sự:** kể lại cuộc trò chuyện  **- Câu hỏi của người con:**  “*Cha ơi!*  *.. không thấy người ở đó?”*  *“Cha mượn cho con buồm trắng nhé,*  *Để con đi*…”  → Câu hỏi ngây thơ, hồn nhiên. Người con mong muốn mở rộng kiến thức, được đi nhiều nơi.  **- Câu trả lời của người cha:**  “Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa Những nơi đó cha chưa hề đi đến”.  → Người cha trầm ngâm, mỉm cười giảng giải cho con, từng bước nâng đỡ ước mơ con. Người cha có phần tiếc nuối xa xăm về ước mơ dang dở chưa thực hiện được.  =>Yếu tố tự sự giúp ta cảm nhận cuộc trò chuyện gần gũi, thân thiết của hai cha con.  **\*Nghệ thuật đặc sắc:**  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “*Ánh nắng* ***chảy*** *đầy vai”*→ Làm tăng sức hấp dẫn, thú vị cho câu thơ, giúp người đọc hình dung cụ thể về khung cảnh đẹp đẽ trên biển.  + Hình ảnh *cánh buồm*:  → Biểu tượng của ước mơ, khát vọng được đi xa, được mở rộng hiểu biết của người con.  + Dấu chấm lửng: “*Để con đi…*”  → sự tiếp nối của thế hệ sau  => Tình cảm yêu thương, trìu mến của người cha dành cho con và khao khát được khám phá những điều chưa biết của người con. Và sự yêu thương, tin cậy của con đối với cha. |
| **Tiết 2**  **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu suy ngẫm của người cha ở khổ cuối bài thơ**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận theo cặp:**  **?** Lời nói của người con gợi cho người cha suy nghĩ gì?  **?** Em hiểu như thế nào về câu thơ: *Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  **Gv:** Tác giả như hoá thân vào hình ảnh người cha nói ra những suy nghĩ, thể hiện tình cảm cha con và đã gieo vào lòng các bạn trẻ - những thế hệ sau này một khát vọng, ước mơ khám phá, chinh phục những vùng đất mới.  -Bộc lộ tình cảm trân trọng tình cảm cha con thiêng liêng trong cuộc đời, trân trọng những ước mơ tuổi thơ. | **3. Suy ngẫm của người cha**  - Người cha đã gặp lại những ước mơ, hoài bão của mình thời thơ ấu trong chính ước mơ của đứa con hôm nay.  **-** Câu thơ: *Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con →* Người cha tự hào khi thấy con mình cũng ấp ủ những ước mơ đẹp như ước mơ của mình thời thơ ấu.  => Sự tiếp nối của thế hệ trẻ thực hiện ước mơ của thế hệ đi trước khám phá thế giới rộng lớn ngoài kia. |
| **\*Khái quát chung về yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Khái quát các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn bản. Nêu tác dụng chung của các yếu tố đó.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **4. Yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ**  **\* Phương thức biểu đạt chính:** biểu cảm  \* **Yếu tố tự sự**: Kể về những cuộc đối thoại giữa hai cha con về những thắc mắc trẻ thơ, về ước mơ tuổi trẻ của người cha.  \* **Yếu tố miêu tả:** Miêu tả khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh con người: Hình ảnh hai cha con dắt nhau bên bờ biển dưới nền cát mịn, ánh nắng mai hồng hay hình ảnh những cánh buồm  🡺**Tác dụng của yếu tố miêu tả và tự sự:**  + Tạo nên hình thức câu chuyện kể liền mạch.  + Các yếu tố miêu tả đã khắc hoạ, miêu tả về khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh con người; góp phần tạo dựng bối cảnh cho câu chuyện; làm nổi bật tình cha con thiêng liêng nói riêng và tình cảm gia đình nói chung.  + Các yếu tố này giúp tác giả thể hiện cảm xúc của mình một cách rõ nét hơn, làm cho bài thơ thêm ấn tượng và đặc sắc hơn. |

**IV. Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông)

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS .

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  + Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  + Từ đó em rút ra để đọc hiểu một văn bản thơ tự do có chứa yếu tố tự sự và miêu tả, chúng ta cần lưu ý điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **Gv nhận mạnh cách đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**  **-** Xác định được lời người kể chuyện, lời của nhân vật.  **-**  Xác định được các nhân vật và sự kiện, chi tiết miêu tả.  **-**  Hiểu được mối quan hệ giữa các chi tiết; sự vận động của cốt truyện và cảm xúc.  **-** Có kĩ năng tưởng tượng và suy luận để nhận biết được những thông tin hàm ẩn. | **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do có sự kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật: ẩn dụ, điệp ngữ, từ láy, đối lập,…  - Hình ảnh thơ độc đáo, từ ngữ chắt lọc, tái hiện, lời thơ giản dị, tác giả đã khéo léo xây dựng ngôn ngữ đối thoại mang tính thẩm mĩ cao.  **-** Nhịp thơ trầm lắng, bay bổng, thể hiện được tình cảm thiết tha, sâu lắng.  **2. Nội dung**  - Bài thơ đã thuật lại cuộc trò chuyện giữa hai cha con trước biển cả bao la.  - Qua đó ca ngợi ước mơ khám phá cuộc sống của trẻ thơ và thể hiện tình cảm cha con sâu sắc, người cha đã dìu dắt và giúp con khám phá cuộc sống. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-GV tổ chức cho HS củng cố kiến thức bài học thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

-GV yêu cầu HS gấp toàn bộ vở viết và SGK lại.

-GV đọc lần lượt từng câu hỏi

-Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.

**Bước 2:**  **Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả học tập**

**Bước 4.** **Công bố kết quả:**

- Nếu chọn sai đáp án thì sẽ có hình phạt nho nhỏ.

- Trả lời đúng sẽ được mời bạn bất kì trả lời câu hỏi tiếp theo.

**Các câu hỏi như sau:**

**Câu 1: Bài thơ trích trong tập thơ nào?**  
A. *Quê hương chiến đấu* (1955)  
B. *Những cánh buồm* (1964).  
C. *Đầu sóng* (1968)  
**Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:**A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm  
**Câu 3: Bài thơ viết theo thể thơ gì?**A. Lục bát B. Bảy chữ C. Tự do D. Cả ba ý trên  
**Câu 4: Câu thơ nào sau đây có yếu tố miêu tả?**

A. Hai cha con bước đi trên cát

B. *Cát càng mịn, biển càng trong*

C. Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi

**Câu 5: Chọn ý đúng nhất:**

Câu thơ:

*Con lại trỏ cánh buồm xa hỏi khẽ:  
“Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,  
Để con đi!”* thể hiện:   
A. Sự ngây thơ, hồn nhiên của con  
B. Ước muốn được có cánh buồm trắng  
C. Ước muốn được khám phá những vùng đất mới  
**Câu 6: Biện pháp tu từ được sử dụng trong 2 câu thơ:** “*Cha lại dắt con đi trên cát mịn - Ánh nắng chảy đầy vai*” là:

A. Ẩn dụ B.Hoán dụ C. Nhân hoá  
**Hoạt động 4: Vận dụng.**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Hãy tưởng tượng và miêu tả cảnh hai cha con đi dạo trên biển ở hai khổ đầu bài thơ “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông) bằng một đoạn văn ngắn (5-7 dòng).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

***Đoạn văn gợi ý:***

Mở đầu bài thơ “Những cánh buồm” của nhà thơ Hoàng Trung Thông đã vẽ ra khung cảnh hai cha con đi dạo trên bờ biển sau trận mưa đêm. Buổi sáng ban mai, những tia nắng rực rỡ toả rạng khắp không dài, trải dài trên mặt biển xanh. Cha dắt con đi trên bãi cát mịn, lòng đầy vui sướng khi nghe tiếng cười rộn rã, thích thú của con. Ánh nắng bình minh soi bóng hai cha con trên mặt cát, bóng cha dài lênh khênh, bóng con tròn chắc nịch. Con hân hoan nhìn ra phía mặt biển, nơi những cánh buồm xa xa đang vậy gọi ước mơ.

**\*Hướng dẫn học ở nhà**:

- Tìm đọc thêm những bài thơ viết về tình cảm cha con.

- Chuẩn bị các câu hỏi phần chuẩn bị đọc hiểu văn bản: Mây và sóng (R.Ta-go)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn: 15/01/2022 Ngày dạy: 21/01/2022*

*Tiết 84+85,* Văn bản 2: **MÂY VÀ SÓNG**

**-** Rabindranath Tagore-

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ - văn bản dịch thuộc thể loại thơ văn xuôi.

- Nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

- Phân tích để thấy được ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa VB.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, cao đẹp.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân, hướng tới những lời nói, việc làm đúng đắn.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

-KHBD, SGK, SGV, bài hát ***“Mẹ yêu ơi”*** (Sáng tác: Quách Beem)

- Phiếu học tập.

III.Tiến trình dạy học

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

GV cho HS xem video bài hát ***“Mẹ yêu ơi”*** (Sáng tác: Quách Beem) do bé Gia Khiêm biểu diễn.**Link :** <https://www.youtube.com/watch?v=rRdXGHXytC4>

* HS nghe và trả lời câu hỏi:

+ Em có cảm nghĩ gì về bài hát?

+ Kể lại một kỉ niệm sau sắc của em với mẹ. Nếu được gửi đến mẹ một lời nhắn nhủ thì em sẽ muốn gửi điều gì?

***GV dẫn vào bài mới:*** Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng và quý giá nhất. Có lẽ cũng bởi vì vậy mà khi nghĩ về mẹ mỗi người sẽ có những cảm xúc riêng. Song điểm chung nhất là tình mẹ luôn hiện hữu trong trái tim chúng ta, tạo nguồn sức mạnh, soi sáng hành động, ý thức con người. Ta-go cũng viết nên những vần thơ mang nhiều cảm xúc như thế về tình mẫu tử. Hơn hết, tình thương chính là cội nguồn cho sự lựa chọn. Bài thơ ***Mây và sóng*** là một kiệt tác, ở đó cũng có một em bé đã khước từ những lời rủ đi chơi, vì sao vậy? Ta cùng cô tìm hiểu bài thơ để khám phá những bí ẩn sau lời từ chối của em bé !

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**I. Đọc -tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS nắm được kiến thức chính về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nhà thơ Ta-go, và bài thơ *Mây và sóng.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả R.Ta-go.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV mời một số HS chia sẻ thông tin về nhà thơ R. Ta-go.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  **Gv mở rộng**:  - Làm thơ từ sớm và cũng tham gia các hoạt động chính trị và xã hội.  - Sự nghiệp sáng tác: để lại cho nhân loại gia tài văn hóa đồ sộ: 52 tập thơ, 42 vở kịch, 12 bộ tiểu thuyết, khoảng 100 truyện ngắn, trên 1500 bức họa và số lượng ca khúc cực lớn.  Một số tác phẩm tiêu biểu: Tập thơ *Người làm vườn*, tập *Trăng non*, tập *Thơ dâng…*  - Ông là nhà văn Châu Á đầu tiên đư­­ợc giải thưởng Nobel văn học với tập “Thơ Dâng” 1913.  - Thơ Tagore thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả, chất trữ tình thắm thiết, thâm trầm triết lý.  **\*Tìm hiểu bài thơ “Mây và sóng”:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  \*GV hướng dẫn HS đọc bài thơ: chú ý cách đọc to, rõ ràng, giọng trò chuyện, thủ thỉ tâm tình như đang kể chuyện với mẹ.  - GV đọc mẫu một lần, gọi 02 HS đọc.  \*GV hướng dẫn HS tìm hiểu những kiến thức chung về bài thơ.  ?*Trình bày xuất xứ bài thơ?*  *? Đọc bài thơ Mây và sóng, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em, ai đang kể chuyện với ai và kể về điều gì? Xác định chủ đề của bài thơ?*  *? Bài thơ có thể chia thành mấy phần, nêu nội dung chính của từng phần?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  -HS đọc VB – giải thích một vài từ khó  -HS trình bày xuất xứ, bố cục bài thơ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi một số HS trả lời.  - HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho bạn bạn.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận** | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Tác giả R.Ta-go**   -Ta-go (1861-1941) tên đầy đủ là Ra-bin-đra-nát Ta-go.  -Ông là một danh nhân văn hóa, là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ.  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc, chú thích**  **b. Tìm hiểu chung**  ***- Xuất xứ: Mây và Sóng*** *vốn* được viết bằng tiếng Ben-gan, in trong tập thơ ***Si-su* *( Trẻ thơ)***  - Thể thơ: thơ văn xuôi.  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm (mượn yếu tố tự sự miêu tả để bộc lộ tình cảm, cảm xúc, tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ).  - Chủ đề: tình mẫu tử  **c. Bố cục: 2 phần**  **- Phần 1:** (Từ đầu đến “xanh thẳm”): Em kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện của em bé với mây .  **- Phần 2:** (Còn lại): Em kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện của em bé với |

**II. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Biết được những nét độc đáo của bài thơ *Mây và sóng* (Thể thơ, ngôn ngữ thơ, hình ảnh trong thơ, nhịp thơ,…)

- Thấy được ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Tìm hiểu cuộc trò chuyện của em bé với mây và sóng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm thực hiện** | Cuộc trò chuyện | Lời rủ rê của mây/sóng | Tâm trạng của em bé sau lời rủ rê của mây/sóng | Lời từ chối của em bé |
| **Nhóm 1, 3** | **Em bé – Mây** | - Qua lời trò chuyện của những người "trên mây" , em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào?  - Những người trong mây chỉ cách cho cậu bé đến với họ như thế nào? | - Câu hỏi "Nhưng làm thế nào mình lên đó được ?", thể hiện tâm trạng gì của em bé? | Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người "trên mây" ? |
| **Nhóm 2, 4** | **Em bé – Sóng** | - Qua lời trò chuyện của những người "trong sóng", em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào?  - Những người trong sóng chỉ cách cho cậu bé đến với họ như thế nào? | - Câu hỏi "Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được"  thể hiện tâm trạng gì của em bé? | Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người "trong sóng"? |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu cuộc trò chuyện của em bé với mây và sóng**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu học tập  Nhóm 1, 3: Tìm hiểu về cuộc trò chuyện giữa em bé và mây  Nhóm 2, 4: Tìm hiểu về cuộc trò chuyện giữa em bé và sóng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  **GV bổ sung:**  - Những người trên mây, sóng là tưởng tượng của em bé. Họ không xuất hiện 1 cách trực tiếp chính là để người đọc tuỳ theo hiểu biết của mình mà tưởng tượng: những chú tiên đồng, những ông tiên, những nàng tiên cá.v.v... Đây chính là cái cớ để em bé bộc lộ tâm tình với mẹ. Nhờ những câu chuyện tưởng tượng đó mà tình cảm của em bé được bộc lộ 1 cách trọn vẹn 🡪 không phải là cuộc hội thoại. Lời mời gọi ấy chính là tiếng gọi của một thế giới kì diệu. | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Cuộc trò truyện của em bé với mây và sóng**  **a. Lời rủ rê của mây và sóng**  - Thế giới của những người trên mây, dưới sóng: “Bình minh vàng, vầng trăng bạc”lời kể, tả của những người trên mây, dưới sóng đã mở ra trước mắt em bé một thế giới:  + Xa xôi, rộng lớn, chứa đựng biết bao điều bí ẩn.  + Rực rỡ lung linh, huyền áo (ánh sáng mặt trời vàng vào buổi bình minh, ánh sáng vầng trăng bạc khi đêm về).  + Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà)  -Đối với em bé, thế giới đó vô cùng hấp dẫn, gợi lên những khao khát được khám phá, được ngao du ở những xứ sở xa xôi.  **- Tâm trạng của em bé:** thể hiện ở câu hỏi về cách thức đi chơi: “Nhưng tôi làm sao gặp được các bạn?”  ->Em bé khao khát được đến những nơi ấy. thiết tha mong muốn được lãng du tới những xứ sở thần tiên, được rong ruổi khắp nơi, được vui chơi với những trò chơi thú vị, hấp dẫn.  **b. Lời từ chối và lí do từ chối**  **-** Lời đáp lại của em bé: Em bé đã từ chối dứt khoát bằng những câu hỏi lại**:**  *+Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?*  *+Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?*  =>. Em yêu mẹ. Với em, được ở bên mẹ, được làm mẹ vui và được mẹ yêu thương, che chở là niềm vui, niềm hạnh phúc không có gì sánh bằng. Đó chính là sức mạnh của tình mẫu tử.  **- Tình cảm của tác giả:** Tác giả rất yêu trẻ, am hiểu đời sống tình cảm của trẻ thơ  - **Nghệ thuật**: nhân hóa, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu. |
| **Tiết 2:**  **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu những trò chơi do em bé sáng tạo ra**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận cặp đôi chia sẻ:**  ***+*** *Trong bài thơ, em bé đã tổ chức mấy trò chơi? Đó là những trò chơi gì? Trong trò chơi ấy, em bé phân vai như thế nào? Theo em sự phân vai ấy có phù hợp không? Vì sao?*  *+ Em cảm nhận gì về tình cảm mẹ con thể hiện qua những trò chơi?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **- GV bổ sung**:  +Trong trò chơi, mẹ là vầng trăng dịu hiền, lặng lẽ tỏa sáng mỗi bước con đi, là bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về suốt cuộc đời con và là mái nhà dẫu qua bao dâu bể vẫn là bầu trời xanh dịu mát, yên bình vĩnh cửu chờ đợi, che chở con.  +Tấm lòng người mẹ như bến bờ cho con neo đậu, thoát khỏi những cám dỗ ở đợi. Tình mẹ con đã hòa quyện lan tỏa trong sóng, thâm nhập kháp vũ trụ mênh mông nên “không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào” | **2. Những trò chơi do em bé sáng tạo ra**  **a. Trò chơi đóng vai**  -Em bé tưởng tượng ra những trò chơi thú vị:  + Con là mây  + Mẹ là trăng  *→* Hai bàn tay con ôm lấy mẹ lấy mẹ; Mái nhà ta là bầu trời xanh thẳm  + Con là sóng  + Mẹ sẽ là bến bờ kì lạ  → Con lăn, lăn, lăn mãi rồi se cười vang vỡ tan vào lòng mẹ  =>**Nhận xét:** Trò chơi của bé thật sáng tạo thể hiện niềm hạnh phúc vô biên của con hoà trong tình yêu thương của mẹ giữa thiên nhiên vũ trụ và cuộc sống con người.  - Các hình ảnh thiên nhiên mây, trăng, sóng biển luôn vĩnh cửu🡪 tượng trưng cho sự vĩ đại và bất diệt của tình mẫu tử, không ai có thể tách rời, chia cắt.  **b. Tình cảm của em bé với mẹ**  **\* Em bé rất yêu mẹ:**  - Em mong nuốn được ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ.  - Bên mẹ, em đã sáng tạo ra trò chơi thú vị hấp dẫn, để mẹ cùng vui chơi với em.  - Trong trò chơi ấy, em bé vừa được thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ  **\* Tình mẹ yêu con:**  + Mẹ muốn con ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về. Thể hiện qua lời giải thích của em bé: “mẹ mình đang đợi mình ở nhà”, “Buổi chiều, mẹ luôn muốn mình ở nhà”  + Trong trò chơi, mẹ là vầng trăng dịu hiền, lặng lẽ tỏa sáng mỗi bước con đi, là bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về suốt cuộc đời con và là mái nhà dẫu qua bao dâu bể vẫn là bầu trời xanh dịu mát, yên bình vĩnh cửu chờ đợi, che chở con  ->Tấm lòng người mẹ như bến bờ cho con neo đậu, thoát khỏi những cám dỗ ở đợi. *=>****Đặt tình mẫu tử trong mối quan hệ với thiên nhiên vũ trụ, nhà thơ đã thể hiện cảm hướng tôn vinh ca ngợi tình mẫu tử bao la, thiêng liêng, vĩnh cửu****.* |
| **\*Khái quát chung về yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ?Chỉ ra yếu tố tự sự và miêu tả trong văn bản. Nêu tác dụng của các yếu tố đó.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **3. Yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ**  **\* Phương thức biểu đạt chính:** biểu cảm  \* **Yếu tố tự sự**: Kể về cuộc trò chuyện  \* **Yếu tố miêu tả:** Miêu tả thế giới của những người trên mây, trong sóng mời gọi em bé; miêu tả trò chơi sáng tạo mà em bé nghĩ ra để chơi cùng mẹ,…  🡺Tác dụng của yếu tố miêu tả và tự sự:  + Tạo nên hình thức câu chuyện dưới góc nhìn đáng yêu của trẻ thơ.  + Góp phần diễn tả cảm xúc của nhân vật trữ tình, sự gắn bó của người con với mẹ.  + Nhà thơ mượn câu chuyện của em để bày tỏ tình cảm yêu mến thiết tha đối với trẻ thơ, với thiên nhiên, với cuộc đời bình dị. |

**III. Hướng dẫn HS Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  ? Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ văn xuôi, kết hợp các yếu tố tự sự và miêu tả để làm nổi bật cảm xúc, tình cảm yêu mến của nhà thơ với trẻ thơ.  - Giọng điệu tâm tình trò truyện, cách thức lặp lại biến đổi trong cấu trúc bài thơ.  - Sử dụng nhiều phép tu từ nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ đặc sắc.  **2. Nội dung:**  - Bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  - Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ. |

**\*KIỂM TRA 15 PHÚT**

Câu hỏi:Những dấu hiệu cho biết “Mây và sóng” là một bài thơ

**Gợi ý đáp án:**

Những dấu hiệu cho biết “Mây và sóng” là một bài thơ:

-*Về nội dung*:

+ Bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.

+ Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ.

-*Về hình thức*:

+Bài thơ chia dòng, chia khổ rõ ràng.

+Viết theo kiểu thơ tự sự, không bị ràng buộc bởi luật thơ những vẫn giàu tính trữ tình.

+ Sử dụng nhiều phép tu từ nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ đặc sắc.

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

? Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

***Sản phẩm dự kiến:***

\* Nội dung đoạn văn :

- Ngôi kể: thứ nhất

- Xác định được hoàn cảnh của cuộc gặp gỡ của em với người trên mây, trên sóng

- Xác định được diễn biến cuộc gặp gỡ: cử chỉ, lời nói, hành động, ý nghĩ của em về mây và sóng? Mây và sóng có thái độ hành động, ...thế nào?

- Sắp xếp sự việc hợp lí.

- Cảm xúc của em khi đọc đoạn thơ đó.

\* Hình thức đoạn văn: Câu mở đoạn: Cần giới thiệu hoàn cảnh, tình huống gặp gỡ của em với mây và sóng. Các câu tiếp theo cần kể lại diễn biến cuộc gặp gỡ đó. Câu kết đoạn lời chào, cảm xúc của em về cuộc gặp gỡ

**\*Hướng dẫn học ở nhà**:

- Tìm đọc các tác phẩm thơ khác viết về tình mẫu tử, tình cảm gia đình..

- Chuẩn bị: Đọc kết nối chủ điểm: “Chị sẽ gọi em bằng tên”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn: 01/02/2022 Ngày dạy: 9/02/2022*

**TUẦN 21** *Tiết 86:* **Đọc kết nối chủ điểm:**

**CHỊ SẼ GỌI EM BẰNG TÊN**

**-Jack Canfield & Mack Victor Hansen-**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của văn bản dịch thuộc thể loại văn xuôi.

- Liên hệ, kết nối với văn bản Những cánh buồm, Mây và sóng để hiểu hơn về chủ điểm *Gia đình yêu thương*.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng tình cảm anh chị em.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân, luôn biết lắng nghe, quan tâm lẫn nhau bằng những cử chỉ nhỏ nhất để gia đình luôn đoàn kết yêu thương.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- SGK, SGV, Phiếu học tập

III.Tiến trình dạy học

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

-GV tổ chức trò chơi: “*Ai nhanh hơn*?”

? Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về tình cảm anh chị em trong gia đình.

=>Gợi ý đáp án:

+ Anh em như thể chân tay – Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

+ Anh em nào phải người xa – Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân

+ Chị ngã em nâng

+ **Em thuận anh hoà là nhà có phúc**

**+ Anh em một họ một nhà - Thương nhau chân thật đường xa cũng gần.**

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

**GV dẫn vào bài:** Kho tàng ca dao Việt Nam có biết bao câu ca dao, tục ngữ khuyên bảo chúng ta cách ứng xử đúng đắn trong tình cảm anh em. Đừng vì lòng ích kỉ, sự nhỏ nhen mà đánh mất đi tình cảm thiêng liêng này.

Văn bản “Chị sẽ gọi em bằng tên riêng” trích trong tập *Tình yêu thương gia đình* của hai tác giả Jack Canfield & Mack Victor Hansen là một câu chuyện cảm động về tình cảm chị em. Chúng ta cùng tìm hiểu văn bản trong tiết học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**I. Đọc -Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS nắm được kiến thức chính về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về 2 nhà văn Jack Canfield & Mack Victor Hansen và văn bản “Chị sẽ gọi em bằng tên”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về hai tác giả Mack Victor Hansen &Jack Canfield . .  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV mời một số HS chia sẻ thông tin về hai nhà văn  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **I.Tìm hiểu chung**  **1.Tác giả**  **\*Mark Victor Hansen:**  - Sinh vào 1/1948.  - Là một diễn giả tâm huyết, ông đã thực hiện nhiều cuộc nói chuyện ở nhiều quốc gia về đề tài cuộc sống, cách tìm kiếm sức mạnh tinh thần và động lực sống.  - Là cha đẻ bộ sách “Chicken Soup for the Soul*”* nổi tiếng cùng với Jack Canfield.  \* **Jack Canfiel** :  - Sinh ngày 19/81944, tại Hoa Kỳ.  -Tốt nghiệp Thạc sĩ ngành tâm lý giáo dục tại Harvard, được công nhận là bậc thầy đào tạo từ trường Đại học Massachusetts Amherst.  -Năm 1973 ông được tổ chức Jaycees vinh danh là một trong mười người đàn ông xuất chúng của nước Mỹ. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  \*GV hướng dẫn HS đọc văn bản: đọc to, rõ ràng, giọng trò chuyện, thủ thỉ tâm tình, thể hiện được diễn biến tình cảm của các nhân vật trong truyện.  - GV đọc mẫu một lần, gọi một vài HS đọc theo từng đoạn văn bản.  - Sau khi HS đã đọc, GV hướng dẫn HS tìm hiểu những kiến thức chung về bài văn  ?*Trình bày xuất xứ văn bản.*  *? X*ác định ngôi kể.  *? Xác định nhân vật trong câu chuyện.*  *? Văn bản có thể chia thành mấy phần, nêu nội dung chính của từng phần?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó  HS trình bày xuất xứ, bố cục bài thơ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi một số HS trả lời.  - HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho bạn bạn.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận** **.** | **2. Tác phẩm**  **a. Đọc, chú thích**  **b. Tìm hiểu chung**  ***-*** Xuất xứ: Trích Tình yêu thương gia đình, bộ sách Hạt giống tâm hồn.  - PTBĐ chính: Tự sự.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất  - Nhân vật chính trong truyện là người chị và em trai.  - Bố cục: chia làm 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến *“và em hay bật cười chẳng vì lí do gì”🡪* Nhân vật tôi (chị gái) giới thiệu về người em trai.  + Phần 2: Tiếp theo đến”… *mọi chuyện lại đâu vào đấy*”: Mối quan hệ giữa hai chị em trước khi có buổi trò chuyện.  ­+ Phần 3: Còn lại: Cuộc trò chuyện giữa hai chị em làm người chị thay đổi cách cư xử với em. |

**II. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Cảm nhận được ý nghĩa thiêng liêng của tình cảm anh chị em, cũng là một tình cảm gia đình quan trọng qua lời kể của người chị gái đối với em trai mình.

- Thấy được đặc sắc nghệ thuật trong việc tạo dựng tình huống truyện.

- Học sinh thêm yêu và biết quan tâm người thân trong gia đình.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**PHIẾU HỌC TẬP 01**

**Tìm hiểu về hình ảnh người em và mối quan hệ của hai chị em trước buổi trò chuyện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhóm 1, 2** | **Nhóm 3, 4** |
| **Nhiệm vụ** | **Tìm hiểu hình ảnh người em qua lời giới thiệu của người chị** | **Tìm hiểu mối quan hệ của hai chị em trước buổi trò chuyện** |
| **Gợi ý tìm hiểu** | -Ngoại hình:….  -Tính cách:…  -Sự kiện đặc biệt:…. | -Thái độ và hành động của người chị đối với em:….  -Lí do:…..  -Phản ứng của người em trước cách đối xử của người chị:…. |

**PHIẾU HỌC TẬP 02:**

**Tìm hiểu buổi trò chuyện đặc biệt và mối quan hệ của hai chị em sau buổi trò chuyện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoàn cảnh của buổi trò chuyện** | - Thời điểm:……………………………………………  - Lí do: …………………………………………… | |
| **2. Nội dung buổi trò chuyện** | - Những chia sẻ của người chị:  ………………………..  - Thái độ trong cuộc trò chuyện: ………………………… | - Những chia sẻ của người em:  ………………………..  - Thái độ trong cuộc trò chuyện: ……………………....... |
| **3. Sự thay đổi mối quan hệ của hai chị em sau buổi trò chuyện** | Sự thay đổi của người chị (thái độ, suy nghĩ, hành động)  ………………………..  ………………………… | Tình cảm của em dành cho chị:  ………………………..  ………………………… |
| **4. Rút ra bài học cho bản thân** | …………………………………………………………………..  …………………………………………………………………… | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu mối quan hệ căng thẳng giữa hai chị em trước buổi trò chuyện**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 01:**  + ***Nhóm 1, 2:*** Tìm hiểu hình ảnh người em qua lời giới thiệu của người chị.  + ***Nhóm 3, 4***: Mối quan hệ của hai chị em trước buổi trò chuyện.  Thời gian thảo luận: 03 phút  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận,**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  **Bước 4: Đánh giá kết quả** | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Mối quan hệ căng thẳng giữa hai chị em trước buổi trò chuyện**  **a) Giới thiệu về người em**  - Ngoại hình: đôi mắt to đen láy → Toát lên vẻ vừa lạ lùng vừa e dè.  - Tính cách: E dè, lạ lùng, không giống những đứa trẻ khác.  + Không thể hiểu những câu chuyện đùa.  + Mất nhiều thời gian học những điều cơ bản.  + Hay bật cười chẳng vì lí do gì.  **b) Mối quan hệ của hai chị em:**  - Thái độ của người chị: lạnh lùng và ghét em trai mình.  - Lí do: Khi đi cùng em, mọi người đều nhìn chằm chằm vì em tỏ ra khác thường.  - Hành động:  + Nghiến răng giận dữ và ước em được bình thường.  + Trừng mắt nhìn em dọa em sợ.  + Khi chạm ánh mắt, nói lớn.  + Hiếm khi gọi bằng tên mà đặt đủ thứ biệt danh xấu xí.  + Gạt phắt đi khi mọi người nói đang đối xử tệ với em.  + Chỉ đối xử tốt trước mặt các bạn, sau khi họ ra về lại đâu vào đấy.  - Phản ứng của người em: Sợ sệt, e dè: Khi bị quát chỉ nhanh chóng quay đi và nói khẽ "Dạ không có gì." |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu mối quan hệ giữa hai chị em sau buổi nói chuyện**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Điều gì đã mở ra khởi đầu mới cho mối quan hệ hai chị em?  **\*Thảo luận theo bàn: Hoàn thiện Phiếu học tập 02**  -Thời gian thảo luận: 5 phút  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  -Yêu cầu đại diện một số bàn đứng lên báo cáo trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện bàn đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động .  - Chốt lại kiến thức. | **2. Buổi trò chuyện đặc biệt và mối quan hệ giữa hai chị em sau buổi nói chuyện**  **-**Điều mở ra mối quan hệ mới cho hai chị em là cuộc nói chuyện đầy ngây ngô của người em với chị trên đường ra trạm xe buýt.  **a) Hoàn cảnh của buổi trò chuyện**  - **Thời điểm:** Một ngày hè năm trước, trong buổi chiều tháng 7 nắng ấm.  - **Lí do**: Cha mẹ đi vắng, người chị có hẹn khám nha sĩ phải dắt em theo. Khi đang rảo bước trên vỉa hè, tự nhiên người chị muốn nói chuyện.  **b) Nội dung cuộc trò chuyện**   |  |  | | --- | --- | | **Người chị** | **Người em** | | Nội dung câu hỏi:  + Về mùa hè của em.  + Kiểu xe em thích.  + Dự định trong tương lai. | Nội dung câu trả lời:  + Mê xe Ca-đi-lắc.  + Mơ ước thành kĩ sư hoặc doanh nhân.  + Thích nghe loại nhạc là Rap nhưng lại nêu dẫn chứng một nhóm nhạc Rock. | | Thái độ:  + Mặc dù câu trả lời hơi nhàm chán nhưng vẫn lặng nghe chăm chú. Người chị chịu nói chuyện, chịu lắng nghe và không cáu giận.  .🡪 thể hiện sự mở lòng của người chị với đứa em.  + Thay đổi cách nhìn về người em: đầy hoài bão, tốt bụng, thân thiện, cởi mở và hoạt ngôn. | Thái độ:  + Trả lời hào hứng mặc dù ngắn gọn.  + Người em chịu mở lòng. |   **c) Sự thay đổi trong mối quan hệ sau cuộc nói chuyện:**  \* **Tình cảm của em dành cho chị sau buổi trò chuyện:**  + Kể với cha về cuộc trò chuyện của hai chị em với lời nói chân thành, giản dị.  + Không những không ghét chị mà nghĩ chị là một người chị tốt.  → Người em là cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, yêu thương, vị tha.  **\* Sự thay đổi của người chị:**  - Khi nghe được cuộc nói chuyện giữa bố và em trai, người chị đã bật khóc, cảm động và có phần xấu hổ vì biết em yêu quý, trân trọng mình.  - Người chị đã thay đổi: biết quan tâm, chăm lo và yêu thương em mình hơn:  🡪 Chính lòng tốt của người em đã cảm hóa người chị và giúp chị nhận ra được ý nghĩa của tình thân trong gia đình.  **\* Bài học rút ra:** Cần phải chia sẻ, thấu hiểu, vị tha, yêu thương những người trong gia đình (và cả những người xung quanh); không vì một vài khiếm khuyết mà xa lánh, lạnh lùng, đối xử không tốt với họ. |

**III. Hướng dẫn HS Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  ? Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Ngôi kể thứ nhất giúp nhân vật bộc lộ được những tâm trạng, cảm xúc chân thực, gây xúc động cho người đọc.  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo.  **2. Nội dung:**  Truyện kể về cách cư xử của chị em trong gia đình. Qua đó, truyện gửi gắm ý nghĩa để gia đình gắn kết, yêu thương nhau rất cần sự quan tâm, lắng nghe, chia sẻ của mọi thành viên |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng kiến thức của bài học vào giải quyết bài tập cụ thể

**b) Nội dung**: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**Bài tập:** Hãy tưởng tượng em là người em trai trong câu chuyện, hãy kể lại buổi trò chuyện của hai chị em trên đường đến phòng khám nha sĩ bằng một đoạn văn ngắn.

***Gợi ý:***

\*Yêu cầu đoạn văn:

-Người kể chuyện: ngôi thứ nhất xưng tôi (đóng người em trai)

-Khung cảnh trên đường đi.

-Cuộc hội thoại của hai chị em.

-Cảm nhận về chị sau cuộc trò chuyện

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS suy nghĩ, làm việc cá nhân, hoàn thành đoạn văn vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm.

**-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

? Theo em, để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc giữa những người thân trong gia đình, có những hành động, việc làm cụ thể như thế nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Tìm đọc các tác phẩm thơ, truyện khác viết về tình mẫu tử, tình cảm gia đình..

- Chuẩn bị: Thực hành tiếng Việt: Từ đồng âm, Từ đa nghĩa

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn: 05/02/2022 Ngày dạy: 11/02/2022*

*Tiết 87+88,*THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

**TỪ ĐA NGHĨA – TỪ ĐỒNG ÂM**

**I.Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**

- Nhận biết được từ đa nghĩa và từ đồng âm, phân tích được tác dụng của chúng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện từ đa nghĩa, từ đồng âm và phân tích được tác dụng của chúng.

**3.** **Phẩm chất:**

**-** Quý trọng sự giàu đẹp của Tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị và học liệu**

**-** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập

**2. Học liệu:**

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

*-*Thảo luận trong bàn trong 3 phút:

**Bài tập:** Từ “cao”trong hai câu sau giống và khác nhau chỗ nào?

1.Bạn An **cao** 1m50

2.Mẹ nhờ An mua **cao** về dán lưng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS trao đổi trong bàn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

*Dự kiến sản phẩm*: Từ “cao”trong hai câu giống về âm nhưng khác về nghĩa.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

**- GV kết nối, dẫn vào bài mới**: Khi mới xuất hiện, thường mỗi từ chỉ được gắn với một nghĩa nhất định. Nhưng xã hội phát triển, nhận thức của con người cũng phát triển, nhiều sự vật của thực tế khách quan được con người khám phá và vì vậy cũng nảy sinh nhiều khái niệm mới. Chúng ta có thể thêm nghĩa vào cho những từ đã có sẵn. Theo cách này, những từ trước đây chỉ có một nghĩa, nay được mang nhiều nghĩa mới. Vì vậy mà nảy sinh ra hiện tượng nhiều nghĩa của từ. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về từ đa nghĩa và từ đồng âm.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a**. **Mục tiêu**: Nắm được các khái niệm và công dụng của từ đồng âm, từ đa nghĩa.

**b. Nội dung hoạt động:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu từ đa nghĩa**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ:  ? Quan sát từ **đi** trong hai ví dụ và cho biết từ nào là nghĩa gốc, từ nào là nghĩa chuyển?  - VD1: Hai cha con bước ***đi*** trên cát.  - VD2: Xe ***đi*** chậm rì.  ? Từ đó em hãy rút ra đặc điểm về từ đa nghĩa.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  *Dự kiến sản phẩm*:  - VD1: đi là nghĩa gốc, chỉ hành động di chuyển của người hoặc con vật.  - VD2: nghĩa chuyển, chỉ sự di chuyển của phương tiện vận tải.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **\* Tìm hiểu từ đồng âm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát hai ví dụ:  VD1: Lời của *con* hay ***tiếng*** sóng thầm thì.  VD2: Một ***tiếng***, nữa con sẽ về đến nhà.  ? Cho biết nghĩa của từ “***tiếng***” trong mỗi ví dụ.  ? Từ đó em hãy rút ra đặc điểm về từ đồng âm.  GV: Từ đồng âm đôi khi được sử dụng để tạo ra những cách nói độc đáo. Ví dụ: Con ngựa đá con ngựa  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **I. Từ đa nghĩa**  ***1. Xét ví dụ***  - “Đi” trog VD1 là nghĩa gốc chỉ hành động của người hay động vật tự di chuyển bằng những động tác lên tiếp của chân.  - “Đi” trong VD2 là nghĩa chuyển chỉ hoạt động di chuyển của phương tiện vận tải trên một bề mặt.  ***🡪 Từ đa nghĩa***  ***2. Nhận xét***  - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển.  + Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện trước, làm cơ sờ để hình thành các nghĩa khác.  + Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.  - Ví dụ về từ đa nghĩa:  + Nam đang **chạy**(1) bộ.  + Cái đồng hồ này **chạy** (2) nhanh 5 phút.  + Bà con khẩn trương **chạy (**3) lũ.  + Mặt hàng này bán rất **chạy** (4).  🡺***Chạy*** 1: Di chuyển cơ thể bằng những bước nhanh.  ***Chạy*** 2: Hoạt động của máy móc.  ***Chạy*** 3: Đi nơi khác để tránh nguy hiểm.  ***Chạy*** 4: Nhanh, nhiều người mua.  **II. Từ đồng âm**  ***1. Xét ví dụ***  - “Tiếng” trong VD1 là từ chỉ âm thanh phát ra từ một sự vật, đối tượng.  - “Tiếng” trong VD2 là từ chỉ thời gian một giờ đồng hồ.  ***🡪 Từ đồng âm***  ***2. Nhận xét***  **- Từ đồng âm** là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan gì với nhau.  - Từ đồng âm đôi khi được sử dụng để tạo ra những cách nói độc đáo. |

**Tiết 2**

**Hoạt động 3: Thực hành tiếng Việt**

**a**. **Mục tiêu**: Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung hoạt động:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Thực hành bài tập 1, 2.**  **-Hình thức: Thảo luận nhóm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  -Theo dõi SGK trang 36, hoàn thành nhanh bài tập 1, 2.  **Nhóm 1, 2:** Bài tập 1/Tr 36  **Nhóm 3,4**: Bài tập 2/Tr 36  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS suy nghĩ, thảo luận nhóm theo nhiệm vụ.  -GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **-**GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung | **II.Thực hành**  **1. Bài tập 1/trang 36:** a) Từ “*trong*” 1 chỉ sự tinh khiết, không có gợn, mắt có thể nhìn thấu suốt qua.Từ “t*rong*” 2 chỉ giới hạn về không gian của hoạt động, sự việc được nói đến. b) Nghĩa của hai từ “trong” không liên quan đến nhau.  c) Đây là hai từ đồng âm.  **2. Bài tập 2/Trang 36:**  **a) Giải thích nghĩa của từ “cánh”:**  - "Cánh" trong "cánh buồm" nghĩa là: bộ phận của con thuyền giúp nó có thể di chuyển được trên mặt nước nhờ sức gió.  - "Cánh" trong "cánh chim" là: bộ phận để bay của chim, dơi, côn trùng.  - "Cánh" trong "cánh cửa'' là:  bộ phận hình tấm có thể khép vào mở.  - "Cánh" trong "cánh tay" là: bộ phận của cơ thể người, từ vai đến cổ tay ở hai bên thân mình.  b) Từ "cánh" trong các ví dụ trên là từ đa nghĩa vì đều là một bộ phận của sự vật. |
| **\*Thực hành bài tập 3, 4, 5**  ***-* Hoạt động nhóm:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Nhóm 1,4:** Bài tập 3/Tr 36  **Nhóm 3:** Bài tập 4/Tr 36  **Nhóm 2:** Bài tập 5/Tr 36  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **Bài tập 3/trang 36:**  \****Mắt***: đôi mắt, mắt na, mắt mía, mắt bão, mắt lưới.  Nghĩa gốc: Là cơ quan để nhìn của người hay động vật, giúp phân biệt được màu sắc, hình dáng; thường được coi là biểu tượng của cái nhìn của con người.  Nghĩa chuyển:  - Chỗ lồi lõm giống như hình con mắt, mang chồi, ở một số loài cây (mắt tre, mắt mía)  - Bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ một số loại quả (mắt dứa, na mở mắt)  - Phần trung tâm của một cơn bão (mắt bão)  ***\* Tai***  Nghĩa gốc: Cơ quan ở hai bên đầu người hoặc động vật, dùng để nghe.  Nghĩa chuyển:  - Bộ phận ở một số vật, có hình dáng chìa ra giống như cái tai (tai chén, tai ấm)  - Điều không may bất ngờ xảy tới, gây tổn thất lớn (tai tiếng).  Ví dụ khác: Chân (chân bàn, chân giường, chân ghế,…); Lưng (lưng ghế, lưng tường,..)  **Bài tập 4/trang 36:**  a) Câu đố này đố về con chó thui. b) Điểm thú vị trong câu trên là đã sử dụng hiện tượng đồng âm từ “chín”. “Chín” ở đây không chỉ số đếm mà nghĩa trong câu đố là chỉ tình trạng (thức ăn) được nấu nướng kĩ đến mức ăn được(sẽ cùng trường nghĩa với từ “thui” ở dòng trên). **Bài tập 5*/*trang 36:**Ví dụ về hiện tượng đồng âm để tạo ra những cách nói độc đáo:  1. Ruồi đậu mâm xôi đậu.  2. Kiến bò đĩa thịt bò.  3. Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.  4. Bác bác trứng, tôi tôi vôi.  5. Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá không đá con ngựa.  =>Hiện tượng đồng âm.  1. **đậu 1:** bu, bay từ chỗ khác đến;  **đậu 2**: một loại ngũ cốc như đậu xanh, đậu đen.  2. **bò 1:** di chuyển bằng các chân ;  **bò 2:** động vật có sừng thuộc bộ guốc.  3. **chín 1**: chín chắn, giỏi, thành thạo;  **chín 2**: số chín.  4. **bác 1**: anh chị của ba mẹ.  **bác 2**: đánh nhuyễn ra sền sệt.  **tôi 1**: đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất.  **tôi 2** (vôi): cho vôi sống vào nước.  5. **đá 1**: vật chất cấu tạo nên vỏ trái đất, có cấu tạo từng mảng, từng hòn.  **đá 2**: dùng chân tạo ra một lực tác động lê vật gì đó. |
| **\*Thực hành bài tập 6, 7.**  **-Thảo luận theo cặp trong bàn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận theo cặp hoàn thành các bài tập 6, 7/SGK trang 36 - 37.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -GV gọi đại diện một số cặp đôi trình bày.  Các HS khác HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, chốt kiến thức.** | **Bài tập 6/trang 36:**  a. Các biện pháp tu từ được sử dụng:  - Liệt kê, đối lập – tương phản:  + *Chỉ thấy nước, thấy trời >< không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người.*  *+ sẽ có cây, có cửa, có nhà*  -Phép điệp điệp ngữ:  *… chỉ thấy nước, thấy trời*  *Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người*  *-*Ẩn dụ: hình ảnh “cánh buồm” tượng trưng cho khát khao, ước mơ khám phá những vùng đất mới.  b. Tác dụng của các biện pháp tu từ:  + Tăng thêm cảm giác về sự mênh mông của trời nước, của đất nước quê hương.  + Tạo nhịp điệu nhịp nhàng cho đoạn thơ.  + Nhấn mạnh ước mơ, khát vọng muốn chinh phục, khám phá những vùng đất mới của con người.  + Làm cho đoạn thơ thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức biểu cảm, giàu hình ảnh hơn.  **Bài tập 7/trang 36:**  a.Từ láy được sử dụng trong bài thơ “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông): *rực rỡ, lênh khênh, rả rích, phơi phới, trầm ngâm, thầm thì.*  b.Tác dụng của từ láy:  + Dùng để miêu tả khung cảnh biển đẹp đẽ buổi bình minh cùng hình ảnh hai cha con.  + Dùng để bộc lộ cảm xúc của tác giả. |

**Hoạt động 4: Vận dụng Viết ngắn**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Vận dụng vào viết ngắn.**  **-Làm việc cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  GV có thể gợi ý HS cụ thể:  + *Em sẽ muốn đến những “bến bờ” nào? Đặc điểm của những nơi “bến bở” em đến.*  *+ Tại sao em lại muốn đến những nơi đó?*  *+ Ước muốn của em trong tương lai?*  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  **Lưu ý**: Nếu BT 6 không còn thời gian thì GV giao cho HS về nhà hoàn chỉnh sau. | **Viết ngắn:**  **Đề:** Trong bài thơ Những cánh buồm, câu thơ “Cha mượn cho con buồm trắng nhé/ Để con đi..” thể hiện mong ước cừa người con. Em hãy tưởng tượng minh là người con trong bài thơ này, viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trong đó có sử dụng từ đa nghĩa để chia sẻ với mọi người về những “bến bờ” mà “cánh buồm trắng” của em sẽ đến.  **Gợi ý:**  **\*** Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu:  - Dung lượng đoạn văn khoảng 200 chữ, đảm bảo hình thức đoạn văn.  - Nội dung của đoạn văn: chia sẻ về *những “bến bờ” mà “cánh buồm trắng” của em sẽ đến.*  - Đoạn văn có sử dụng ít nhất 01 từ đa nghĩa, gạch chân dưới từ đó. |

**\*Hướng dẫn tự học ở nhà:**

-HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.

- Soạn: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn: 09/02/2022 Ngày dạy: 14/02/2022*

**TUẦN 22**Tiết 89+90, **VIẾT:**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ**

**I.Mục tiêu**

**1.Kiến thức**

- Biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết, tìm ý và lập ý, viết bài, xem lại và chỉnh sửa.

- Viết được một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3.**Phẩm chất:** Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II.Thiết bị và học liệu**

-KHBD**,** SGK, sách tham khảo

**IIITiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

? Có bài thơ nào khiến em có ấn tượng sâu sắc nhất không? Khi muốn trình bày cảm xúc về bài thơ đó, em trình bày như thế nào?

-HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân*.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu cách trình bày cách viết đoạn văn, ghi lại cảm xúc về một

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ (có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả)

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG,chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu yêu cầu chung của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ**  **Bước 1:GV giao nhiệm vụ:**  + Thế nào là viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ?  *+* Hãy xác định các yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Yêu cầu chung**  **1. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ**  - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ là nêu lên những suy nghĩ và rung động của em về bài thơ đó.  - Đoạn văn có thể chỉ nêu cảm xúc về một hoặc một vài chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ mà em có ấn tượng và yêu thích.  **2. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ**  **\* Yêu cầu chung:**  **-** Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  - Các câu trong đoạn văn cần được liên kết với nhau chặt chẽ để tạo sự mạch lạc cho đoạn văn.  **\* Cấu trúc gồm có 3 phần:**  + Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).  + Thân đoạn: Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ chữ được trích từ bài thơ.  + Kết đoạn:  Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân. |
| **\* Phân tích ví dụ minh hoạ**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài mẫu (SGK – trang 37). Trả lời câu hỏi:  1.Người viết chia sẻ cảm xúc theo ngôi thứ mấy?  2. Xác định bố cục của đoạn văn  3.Từ ngữ để liên kết đoạn văn?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **II. Phân tích ví dụ**  **Ví dụ về đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “*Những cánh buồm*” -Hoàng Trung Thông-**  - Kiểu bài: Viết đoạn văn biểu cảm.  - Đối tượng: Một bài thơ.  **-** Ngôi thứ nhất (người viết xưng “tôi”).  **-** Bố cục:  + *Mở đoạn*: Giới thiệu bài thơ “Những cánh buồm” của Nhà thơ Hoàng Trung Thông và cảm xúc khái quát về bài thơ (ấn tượng về nội dung và nghệ thuật).  + *Thân đoạn*: Hình ảnh người cha cùng tình cảm người cha đối với con và hình ảnh đứa con cùng sự tin cậy của con danh cho cha.  +*Kết đoạn*: cảm xúc và suy ngẫm của người viết rút ra qua bài thơ  - Liên kết đoạn văn  + Từ ngữ lặp lại: …đem đến cho tôi nhiều cảm xúc, cha, con, bài thơ  - Tữ ngữ thay thế (Phép thế):  + *Những cánh buồm - Bài thơ*  *+ hình ảnh đứa con và sự yêu thương, tin cậy của con đối với cha- những câu thơ này*  *+ tình cha con thắm thiết - Tình cảm ấy*  🡪 Liên kết các câu văn với nhau, tạo nên đoạn văn liền mạch. Góp phần thể hiện được cảm xúc người viết. |

**(Tiết 2)**

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS biết viết đoạn văn đúng quy trình các bước và đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung.

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS phân tích đề bài

- HS viết bài.

- Đánh giá, tự sửa chữa bằng bảng kiểm.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh và kết quả đánh giá bài viết dựa trên bảng kiểm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Nhiệm vụ 1: **Nhắc lại quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ ?**

***Sản phẩm dự kiến:***

**Bước 1: Chuẩn bị:**

- Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề.

- Chọn bài thơ mà em sẽ phát biểu cảm nghĩ.

- Đọc kĩ lại bài thơ để hiểu bài thơ.

**Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

**a.Tìm ý**

- Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.

- Xác định chủ đề của bài thơ.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.

- Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên.

**b. Lập dàn ý.**

Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:

\*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.

\* Thân đoạn:

Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.

- Nêu lên các lí do khiến em thích.

\* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

**Bước 3: Viết**

Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý lựa chọn các từ ngữ phù hợp để diễn tả cảm nghĩ của em về bài thơ.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

+ **Kiểm tra dàn ý** đã xây dựng và xác định các lỗi về nội dung cần chỉnh sửa.

+ **Kiểm tra đoạn văn** đã viết, phát hiện và tìm cách sửa các lỗi về viết: dùng từ, chính tả, ngữ pháp, trình bày,...

Nhiệm vụ 2: **Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ**

**Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc về một bài thơ.**

***\*Sản phẩm dự kiến:***

**Ví dụ**: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Mây và sóng” (R. Ta-go)

**1. Bước 1: Chuẩn bị**

- Xem lại nội dung văn bản Mây và sóng (R. Ta-go).

- Chú ý các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ này và tác dụng của chúng.

**2**. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

+ **Mở đoạn**:

-Giới thiệu tác giả R. Ta-go và bài thơ “Mây và sóng”.

-Nêu cảm nghĩ chung của em về bài thơ.

+ **Thân đoạn**: Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.

+ **Kết đoạn**: Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về ý nghĩa bài thơ

**3. Bước 3: Viết**

-Dựa vào dàn ý, viết thành đoạn văn hoàn chỉnh ghi lại cảm xúc về bài thơ “Mây và sóng” (R. Ta-go).

**BẢNG KIỂM ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của đoạn văn** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng |  |
| **Mở đoạn** | Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. |  |
|  | Nêu nhan đề, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ. |  |
| **Thân đoạn** | Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. |  |
| Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ. |  |
| Sử dụng một số từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu. |  |
| **Kết đoạn** | Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. |  |
| Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn. |  |

**Đoạn văn tham khảo:**

**“Mây và sóng”** là một bài thơ nổi tiếng của R. Ta-go – nhà thơ hiện đại vĩ đại nhất của Ấn Độ. Bài thơ đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc về tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng qua hình thức thơ tự do đầy sáng tạo. Nhà thơ đã thể hiện tình cảm cao quý ấy qua lăng kính của một cậu bé trong những câu chuyện kể về mẹ. Trong câu chuyện mây rủ đi chơi xa, cậu bé khao khát được bay lên ngắm bình minh và vầng trăng trên trời cao. Nhưng khi nhận câu trả lời:”hãy đến tận cùng của trái đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhấc bổng lên tận tầng mây”. Cậu đã nghĩ đến mẹ và nhận ra rằng không thể rời xa mẹ để theo đuổi thú vui của mình. Thay vào đó, là một trò chơi với mẹ “Con là mây và mẹ sẽ là trăng”. Như vậy, thay vì đi xa đến chân trời góc bể, người con đã lựa chọn ở lại bên mẹ và cùng mẹ khám phá về thiên nhiên trong mái nhà ấm áp như trời cao xanh thẳm. Chỉ cần có mẹ, nơi ấy con có niềm vui và hạnh phúc. Và rồi đứng trước biển cả rộng lớn, cậu muốn là con sóng, đi xa bờ và khám phá đại dương bao la. Nhưng cậu chợt nhận ra “buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà”. Đó không chỉ là tình yêu tha thiết dành cho đấng sinh thành, đó còn là trách nhiệm của cậu bé khi nhớ tới lời dặn của mẹ. Dù trong hoàn cảnh nào, em bé cũng luôn mong mẹ sẽ là vầng trăng dịu mát hay bến bờ để con có thể trở về trong vòng tay ấm áp, yêu thương. Và để con có thể thủ thỉ mọi điều hay chỉ là những câu chuyện nhỏ, để được mẹ lắng nghe và sẻ chia tất cả. Như vậy, chính nhờ sức mạnh của tình mẫu tử đã giúp em bé chiến thắng những cám dỗ để em luôn muốn bên mẹ. Qua bài thơ, tôi nhận ra rằng hạnh phúc đôi khi bắt đầu từ những gì giản dị, gần gũi và thân thương ngay bên ta. Tôi muốn nhắn nhủ tới mọi người là trên đời này không có thứ gì có thể thay thế được tình mẫu tử, đó là tình cảm thiêng liêng và vĩnh hằng. Tôi tự nhắc nhở mình cần chăm học, nghe lời hơn để mẹ tôi luôn vui lòng.   
**\* Hướng dẫn về nhà**

-Hoàn thiện lại đoạn văn, bổ sung các từ ngữ để liên kết các câu văn nếu còn thiếu.

-Chuẩn bị bài nói nghe:Tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn: 12/02/2022 Ngày dạy: 18/02/2022*

Tiết 91+92**,** NÓI VÀ NGHE:

**THẢO LUẬN NHÓM NHỎ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN CÓ**

**GIẢI PHÁP THỐNG NHẤT**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

- Biết tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất**

- Tự tin thể hiện quan điểm của bản thân.

- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm.

**II. Thiết bị và học liệu**

**-**SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Yêu cầu:** Các em đã học cáchthảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất ở bài Lắng nghe lịch sử nước mình” (Ngữ văn 6, tập 1). Em hãy nêu các bước thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất?

***\*Sản phẩm dự kiến:***

**-Các bước thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất:**

**1.Bước 1: Chuẩn bị**

- Thành lập nhóm và phân công công việc.

- Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận.

- Thống nhất thời gian và mục tiêu của buổi thảo luận.

**2.Bước 2: Thảo luận.**

**a. Cách trình bày ý kiến:**

- Trình bày rõ ràng, mạch lạc và dễ hiểu.

- Các ý kiến phải sắp xếp theo trình tự thống nhất để người nghe dễ hình dung, dễ nhận xét và bổ sung.

- Chú ý phân tích, lập luận để ý kiến thảo luận được chặt chẽ và có chiều sâu.

**b. Phản hồi ý kiến.**

**-** Chú ý lắng nghe bạn trình bày đểnắm và hiểu được ý kiến thảo luận của các bạn trong nhóm; đưa ra những nhận xét về ưu điểm, yếu tố sáng tạo hay hạn chế trong ý kiến đóng góp của các thành viên.

- Cần có thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, đúng mực, động viên khi nghe các thành viên đưa ra ý kiến thảo luận.

Thành công của buổi thảo luận là thống nhất được giải pháp.

**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Bài học hôm nay chúng ta cùng thực hành về thảo luận nhóm nhỏ

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**I. Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **NV1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**  - GV yêu cầu HS qua sát nội dung sách giáo khoa. GV đặt câu hỏi:  *+ Lắng nghe và ghi chép nhằm mục đích gì?*  *+ Người trình bày và người nghe là ai?*  -GV yc mỗi HS tự hoàn thành theo phiếu học tập sau. Sau đó, tổng hợp theo ý kiến của tổ   |  |  | | --- | --- | | **Ý kiến của tôi** | **Lí do** | |  |  | | **Chủ đề: Làm thế nào để mọi người trong gia đình hiểu và yêu thương nhau hơn?**  **1. Chuẩn bị bài nói**  **2. Các bước tiến hành**  - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  - Thảo luận. |

**Hoạt động 2: Thảo luận**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận, lần lượt các thành viên trình bày ý kiến.  **- Thư kí ghi chép nội dung thảo luận, các thành viên**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. lắng nghe, ghi chép ý kiến của bạ và có sự phản hồi  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS luyện nói  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến  thức => Ghi lên bảng. | **3. Trình bày bài nói** |

**Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm tiếp tục làm việc: thư kí đọc tóm tắt những ý kiến đã đuọc trình bày trong buổi thảo luận, nhóm quyết định giải pháp tối ưu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **4. Trao đổi về bài nói**  - Cần tôn trọng nhau  - Sẵn sàng chia sẻ với nhau  - Ăn cơm cùng nhau  - Không đòi hỏi cha mẹ  - Không tạo áp lực lên con cái |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: HS xem lại các vấn đề, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: HS tham khảo bài của các nhóm khác để có thêm hiểu biết.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.